

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
VIỆN DÂN TỘC HỌC

# VỀ QUAN HỆ DÂN TỘC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

KỶ YẾU HỘI NGHỊ DÂN TỘC HỌC QUỐC GIA NĂM 2020



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

## MỤC LỤC

|   | Trang |
|---|-------|
| ❖ Phát biểu khai mạc và đề dẫn Hội nghị Dân tộc học quốc gia năm 2020 | 13    |

*PGS.TS. Bùi Nhật Quang*

### Phần I

#### NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ QUAN HỆ DÂN TỘC

|   |    |
|---|----|
| ❖ Tổng quát về quan hệ dân tộc ở nước ta hiện nay | 21 |
|---|----|

*PGS.TS. Nguyễn Văn Minh*

|   |    |
|---|----|
| ❖ Quan hệ dân tộc ở Việt Nam từ góc nhìn tổng thể | 76 |
|---|----|

*PGS.TS. Phan Xuân Biên*

|   |    |
|---|----|
| ❖ Nghiên cứu quan hệ dân tộc: một số vấn đề lý luận từ góc nhìn về ý thức quốc gia - dân tộc của các tộc người vùng biên giới | 83 |
|---|----|

*PGS.TS. Vương Xuân Tình, TS. Lê Minh Anh*

|   |     |
|---|-----|
| ❖ Một số vấn đề về quan hệ tộc người với quốc gia - dân tộc ở châu Phi và Nam Á | 116 |
|---|-----|

*TS. Nguyễn Thị Thanh Bình*

|  |     |
|--|-----|
| ❖ Một số vấn đề về quan hệ tộc người ở Đông Nam Á hiện nay | 133 |
|--|-----|

*PGS.TS. Dương Văn Huy*

- ❖ Quan hệ dân tộc với sự đổi mới sinh kế của người Dao ở xã Bánh Trách, huyện Ba Bè, tỉnh Bắc Kạn 675  
*ThS. Lý Cẩm Tú*
- ❖ Quan hệ hôn nhân khác tộc người và khác tôn giáo ở Nam Bộ trước năm 1975 và hiện nay 692  
*TS. Võ Công Nguyễn, TS. Phan Văn Dóp*
- ❖ Quan hệ dân tộc của người Khơ-me ở Nam Bộ hiện nay: những biểu hiện trên lĩnh vực văn hóa 715  
*PGS.TS. Nguyễn Thị Song Hà, Thượng tá, ThS. Nguyễn Văn Phong*
- ❖ Một số mâu thuẫn tộc người xảy ra trong quá trình triển khai các dự án thủy điện ở Việt Nam 733  
*TS. Phạm Quang Linh*
- ❖ Bước đầu tìm hiểu các mối quan hệ cộng đồng trong hoạt động du lịch khu vực biên giới phía Bắc 747  
*TS. Phạm Thị Cẩm Vân*
- ❖ Tác động về mặt xã hội của đồng bào khai hoang tại tỉnh Sơn La trong những năm 1961 - 1965 761  
*TS. Bùi Mạnh Thắng*
- ❖ Vai trò của người có uy tín trong phát triển kinh tế, ổn định chính trị - xã hội vùng dân tộc thiểu số Tây Nguyên và một số khuyến nghị về chính sách 783  
*Thiếu tướng, PGS.TS. Phan Xuân Tuy*
- ❖ Phát huy vai trò của người Hmông có uy tín ở miền núi phía Bắc với sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội 801  
*TS. Đào Ngọc Đình*



# QUAN HỆ DÂN TỘC CỦA NGƯỜI KHƠ-ME Ở NAM BỘ HIỆN NAY: NHỮNG BIỂU HIỆN TRÊN LĨNH VỰC VĂN HÓA

*PGS.TS. Nguyễn Thị Song Hà*  
Khoa Dân tộc học và Nhân học, Học viện Khoa học xã hội  
*Thượng tá, ThS. Nguyễn Văn Phong*  
Binh chủng Pháo binh, Bộ Quốc phòng

## 1. Mở đầu

Người Khmer (Khơ-me) là một trong 53 dân tộc thiểu số ở nước ta cư trú tập trung ở các tỉnh, thành phố vùng Tây Nam Bộ, bao gồm Sóc Trăng, Trà Vinh, Kiên Giang, An Giang, Bạc Liêu, Cần Thơ. Người Khơ-me có một nền văn hóa phong phú và đa dạng được tổng hòa từ các yếu tố tự nhiên, xã hội, con người vùng Tây Nam Bộ. Văn hóa của người Khơ-me được tạo nên trên nền tảng của nền nông nghiệp lúa nước và Phật giáo Nam tông được xem là tôn giáo của tộc người, có tác động chi phối đến mọi mặt đời sống với các thiết chế tự quản của phum, sóc và nhà chùa. Trong lịch sử phát triển của quốc gia - dân tộc, của vùng Nam Bộ, văn hóa của người Khơ-me không chỉ giao thoa, ảnh hưởng và tiếp nhận các giá trị văn hóa của các tộc người sống cận cư là người Kinh, Hoa, Chăm mà còn tiếp nhận nhiều giá trị văn hóa của các tộc người ở bên kia biên giới. Vùng Nam Bộ có nhiều tỉnh có đường biên giới với 6 tỉnh của Campuchia, có 6 cửa khẩu quốc tế, 4 cửa khẩu quốc gia, 15 cửa khẩu phụ có vị trí chiến lược quan trọng về chính trị - kinh tế, chính trị - xã hội và an ninh -

quốc phòng. Người Khơ-me ở Việt Nam mà chủ yếu ở vùng Nam Bộ có mối quan hệ với người Khmer ở Campuchia từ lâu đời bởi nhiều yếu tố thân tộc, hôn nhân, văn hóa, tôn giáo,... Mối quan hệ này bên cạnh những mặt tích cực cũng nảy sinh những vấn đề phức tạp... (Trương Minh Dục, 2019).

Sự hòa hợp, giao lưu và tiếp nhận văn hóa giữa người Khơ-me với các tộc người khác trong vùng Nam Bộ và đồng tộc bên kia biên giới Campuchia được thể hiện cả hai chiều cạnh đón nhận giá trị văn hóa của các dân tộc khác và lan tỏa những đặc trưng văn hóa của dân tộc mình. Chính điều này đã tạo nên cho vùng đất Nam Bộ mối quan hệ tộc người của người Khơ-me trên lĩnh vực văn hóa đối với các tộc người khác và ngược lại đặt trong mối quan hệ quốc gia - dân tộc khá khác biệt so với các vùng trong cả nước. Trong quá trình đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập và toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ như hiện nay, sự biến đổi và hình thành thêm các mối quan hệ tộc người theo chiều hướng tích cực và tiêu cực, thậm chí dễ bị các thế lực thù địch trong và ngoài nước lợi dụng để chống phá là không thể tránh khỏi. Do đó việc nghiên cứu, đánh giá và nhận diện bản sắc văn hóa của người Khơ-me ở Nam Bộ và các mối quan hệ tộc người của người Khơ-me đang diễn ra trên lĩnh vực văn hóa để thấy được xu hướng biến đổi và những yếu tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng là rất cần thiết trong bối cảnh hiện nay.

Trong bài viết này, chúng tôi nhìn nhận các mối quan hệ tộc người của người Khơ-me trên lĩnh vực văn hóa như một chỉnh thể có hệ thống thông qua các trục quan hệ với quốc gia - dân tộc Việt Nam, với các tộc người cận cư là người Kinh, Hoa, Chăm và với đồng tộc bên kia biên giới để từ đó thấy được biến đổi văn hóa của người Khơ-me trước bối cảnh đổi mới và hội nhập và mối quan hệ tộc người được thể hiện thông qua văn hóa.



Bài viết dựa trên cơ sở tiếp cận các nguồn tư liệu là các báo cáo, các đề tài, dự án, sách, tạp chí có liên quan đã được công bố và báo cáo từ chính quyền địa phương, đặc biệt là kết quả điều tra và xử lý bằng phần mềm SPSS cho 254 phiếu hỏi bảng hộ gia đình cùng với 30 cuộc phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm với những người am hiểu về văn hóa của dân tộc Khơ-me tại các điểm nghiên cứu là xã Phú Tân, Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng; thị trấn Tri Tôn, xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang thuộc đề tài cấp Nhà nước, mã số CTDT 11-17/16-20 do PGS.TS. Nguyễn Thị Song Hà làm chủ nhiệm.

## 2. Các mối quan hệ của tộc người Khơ-me hiện nay qua lĩnh vực văn hóa

### 2.1. Mối quan hệ trên lĩnh vực văn hóa vật thể

#### 2.1.1. Nhà ở

Nhà ở truyền thống của người Khơ-me là nhà sàn hoặc nhà đất lợp mái lá, song hiện nay nhà sàn còn thấy rất ít ở một số địa phương dọc biên giới Việt Nam - Campuchia (huyện Tri Tôn, Châu Phú của tỉnh An Giang) và trong các chùa phật giáo Khơ-me. Các địa phương nằm sâu trong nội địa hầu như không còn hình bóng của nhà sàn Khơ-me ở các tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng. Theo phỏng vấn sâu vùng người Khơ-me, từ những năm 1980 xuất hiện ngày càng nhiều ngôi nhà xây bằng gạch, cát, xi măng giống người Kinh nhưng mái vẫn lợp lá theo truyền thống (lá dừa, lá thốt nốt). Những năm gần đây, nhà của người Khơ-me thay đổi nhiều, và cũng có sự khác biệt ở một số địa phương. Phần lớn người Khơ-me đã ở nhà đất, xây tường, song mái nhà đã được cải tiến lợp tôn hoặc làm trần xi măng (ở vùng Sóc Trăng); nhà đất, mái ngói, mái lá, mái tôn (vùng An Giang) giống ở bên kia biên giới. Ở những nơi trung tâm thành phố, thị trấn, nhiều gia đình người Khơ-me có mức sống cao hơn nên số lượng

nhà xây mái bằng hoặc nhà xây hai, ba tầng đang gia tăng. Người Khơ-me đã có những cải tạo lại so với ngôi nhà truyền thống và có sự bố trí không gian giống các tộc người cận cư. Nếu như trước đây ở người Khơ-me nhà truyền thống có ngăn ra các buồng bằng hệ thống cửa, có bếp ở phía sau tách biệt so với nhà, nhà sàn để ngủ và tiếp khách, thì trong ngôi nhà hiện nay phần bếp và khu vệ sinh được thiết kế liền kề với nhà ở theo kiểu nhà ống. Trước những thay đổi của xã hội cùng với môi trường cư trú cộng cư với 3 cộng đồng tộc người chủ yếu vốn gắn với lịch sử của vùng đất Nam Bộ có thể thấy ngôi nhà của người Khơ-me hiện nay đã tiếp nhận nhiều nét văn hóa trong ngôi nhà của người Kinh và người Hoa. Khi nói về sự giao thoa văn hóa về nhà ở của người Khơ-me, ông L.V.L công tác tại UBND xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng khẳng định: Nhà ở truyền thống của người Khơ-me ở xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng là nhà lá, cột tre và chỉ có 1 gian. Trong nhà, bàn thờ tổ tiên đặt ở giữa nhà, hướng ra cửa theo hướng mặt trời mọc để có ánh sáng vào nhà giúp cho các thành viên trong nhà mạnh khỏe, may mắn. Hiện nay, nhà ở của người Khơ-me đã thay đổi rất nhiều. Phần lớn các hộ gia đình ở đây ở nhà xây cấp 4, mái lợp tôn. Kiểu dáng nhà, vật liệu làm nhà cũng thay đổi, học hỏi người Kinh và người Hoa. Đã có nhiều gia đình nhờ thợ người Kinh đến xây nhà. Bây giờ, vị trí đặt bàn thờ cũng không nhất thiết phải hướng Đông, mà nhiều nhà họ xem thầy cúng, hướng nào hợp với chủ nhà thì đặt bàn thờ theo hướng đó. Đối với gia đình người Khơ-me kinh doanh, buôn bán đã lập bàn thờ thần tài, ông địa giống người Hoa.

Ngôi chùa: Với người Khơ-me, ngôi chùa có một ý nghĩa vô cùng quan trọng, luôn là trung tâm, là niềm tự hào của cả cộng đồng bởi nó không chỉ có giá trị về mặt vật chất mà còn có nhiều giá trị về tinh thần. Chùa không chỉ là trung tâm tôn giáo mà còn là nơi tập trung trường lớp, là nơi giáo dục cộng đồng, là nơi họp dân để bàn việc



công ích, là nơi tiếp các vị khách quý của phum, sóc. Một số chùa quan trọng còn là thư viện lưu giữ các thư tịch cổ, là viện bảo tàng, là nghĩa trang. Theo số liệu thống kê tại một số tỉnh có đồng bào Khơ-me sinh sống, hiện nay Nam Bộ có 436 ngôi chùa lớn nhỏ, trong đó Sóc Trăng có 92 Chùa, 38 Salatel (chỉ đứng sau Trà Vinh), An Giang có 68 chùa của người Khơ-me. Số lượng các chùa ở Nam Bộ, trong đó có các chùa của người Khơ-me đã góp phần minh chứng và khẳng định đời sống tinh thần của người Khơ-me từ trước đến nay gắn chặt với tôn giáo, với chùa.

Trong khuôn viên của chùa có nhiều dạng thực kiến trúc khác nhau như sala, nhà tăng, nhà tu thiền định, nhà thiêu hương và các tháp thờ. Ngôi chính điện có cấu trúc truyền thống ba cấp mái với các hoa văn cách điệu, mô típ rồng với đuôi cong vút lên trời, mái chùa lợp mái ngói, đôi khi được lợp ngói tráng men với nhiều màu sắc khác nhau. Trong chùa, điêu khắc tập trung vào các tượng Phật. Mặt ngoài chùa, tháp thường được trang trí tượng tròn, phù điêu lẫn hình chạm chìm. Ngoài tượng đầy bốn mắt có các tượng khác như Riabu muối mặt trời, mặt trăng, vũ nữ, thần đất, các linh thú như voi, khí, sư tử. Cho đến hiện nay, về cơ bản các mô típ kiến trúc cổ truyền cơ bản vẫn được duy trì, song do hầu hết các chùa Phật giáo Nam tông của người Khơ-me được xây dựng từ lâu nên nhiều chùa đã hỏng, xuống cấp nên cần được tu tạo, xây dựng lại.

Do vị trí miền Tây Nam Bộ tiếp giáp với Campuchia, cư dân người Khơ-me ở vùng này có quan hệ khá chặt chẽ với cư dân Campuchia và cả Lào, Thái Lan. Các pho tượng đặt thờ tại chánh điện nhiều chùa trong tỉnh đều được đưa về từ Campuchia, Thái Lan, ... Ngoài ra, ở các tỉnh Tây Nam Bộ, trong đó có tỉnh Sóc Trăng và An Giang, hiện tượng cộng cư với người Kinh và người Hoa, nên hiện tượng giao lưu, tiếp biến văn hóa rõ nét từ nhiều thế kỷ. Dấu ấn ấy hàng bao thế kỷ đã diễn ra trong ngôi chùa Khơ-me. Từ vị đại đức, sống tu tại



chứa mang hai dòng máu Khơ-me (me) và Hoa (cha) hoặc Khơ-me (cha) và Kinh (me)... đến các hoành phi, tranh, ảnh, vãn là những tặng vật của chùa ngoài chữ Pa li còn được chạm khắc chữ Hán và mang đậm nét văn hóa Hoa. Ông P.V.D. Phó Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Sóc Trăng cho biết: Với người Khơ-me, chùa có một ý nghĩa rất quan trọng trong đời sống văn hóa của họ. Chùa có kiến trúc khá độc đáo. Gần như ở phần, sóc nào có người Khơ-me sinh sống đều có chùa, nhà của người Khơ-me sẽ được xây dựng bao quanh các ngôi chùa ấy. Có khá nhiều chùa Khơ-me nổi tiếng như chùa Dơi (Sarây) có kiến trúc giao thoa với Campuchia, chùa Chén Kiêu (chùa SroLôn), chùa Khleang là ngôi chùa cổ kính nhất ở Sóc Trăng, có sự kết hợp kiến trúc của cả 3 dân tộc Khơ-me, Hoa, Kinh.

Trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa hiện nay, tư vị trí của vùng Nam Bộ và mối quan hệ với các nước Đông Dương, Phật giáo Tiểu thừa của người Khơ-me ngày một biến đổi, thể hiện sự giao thoa, mối quan hệ tộc người, trong đó của người Khơ-me với các tộc người cận cư trong vùng, và đồng tộc bên kia biên giới một cách rõ nét.

### 2.1.2. Trang phục

Trang phục hằng ngày của người Khơ-me hiện nay đã có nhiều thay đổi giống với người Kinh: nam giới mặc áo sơ mi, áo phông, quần âu; phụ nữ ít mặc áo bà ba mà họ cũng mặc áo sơ mi. Trong các dịp lễ tết trước đây, cả nữ giới, nam giới và thanh niên đều mặc những bộ trang phục truyền thống của tộc người, tuy nhiên ngày nay để phù hợp với xã hội điều này không còn nữa. Trang phục của người Khơ-me có sự thay đổi từ nguyên liệu làm ra trang phục, kiểu dáng trang phục, thời điểm sử dụng trang phục.

Theo kết quả nghiên cứu của chúng tôi vào năm 2019 cho thấy sự biến đổi trong trang phục của người Khơ-me hiện nay cũng đã thể hiện rõ mối quan hệ tộc người, đó là nếu như trước đây vào những

dịp lễ tết phụ nữ Khơ-me mặc váy "sampôt" thì nay nay rất nhiều người sử dụng quần áo của người Kinh trong dịp này (90,2%), nhiều người đã sử dụng áo dài của người Kinh, sườn xám của người Hoa. Số lượng rất ít người sử dụng trang phục dân tộc trong dịp lễ tết: "chỉ có người già ngày rằm hoặc ngày 30 mặc áo trắng vải ren bà ba áo dài Khơ-me đỏ, có choàng khăn" (PVS, nữ, 65 tuổi, Phước Tân, Sóc Trăng). Sự giao thoa văn hóa tộc người Khơ-me thể hiện qua trang phục, đặc biệt là trang phục đám cưới. Trước đây, trong đám cưới của người Khơ-me, cô dâu thường mặc chiếc sampôt hól màu tím sẫm hay hồng cánh sen, áo dài tằm phong màu đỏ thắm, quàng thêm chiếc khăn chéo qua người và có đội mũ; chú rể mặc xà rồng, áo cổ đùng màu đỏ cài khuy trước ngực (Phạm Thị Phương Hạnh, 2011). 15 năm trở lại đây, nhiều đám cưới cô dâu mặc váy trắng hiện đại, tay cầm hoa, chú rể mặc comple màu trắng. "Trong đám cưới giờ mặc bình thường thôi, có khi họ lại mặc áo dài của người Kinh, không mặc trang phục dân tộc, âu phục có sử dụng trong đám cưới" (PVS, nam 25 tuổi, ấp Phước Quới, Phú Tân, Châu Thành, Sóc Trăng). Cũng có khi "trong đám cưới thì tùy theo gia đình, có gia đình mặc theo phổ thông người Kinh, có số ít mặc theo đồ dân tộc để làm lễ, một chút xiu thôi" (PVS, nam 55 tuổi, Sóc Trăng). Trang phục của mẹ cô dâu chú rể trong ngày cưới là áo dài phụ nữ người Kinh, sườn xám của người Hoa hoặc âu phục. Cũng từ nhu cầu không còn sử dụng nhiều trang phục truyền thống trong đám cưới, trong các dịp lễ tết nữa mà hiện nay rất khó có thể mua được một bộ trang phục truyền thống. Nếu muốn, họ phải đặt mua từ Campuchia rồi gửi về, hoặc nếu vào các dịp lễ hội, diễn văn nghệ họ phải đi thuê ở cửa hàng cho thuê quần áo.

## 2.2. Mối quan hệ trên lĩnh vực văn hóa phi vật thể

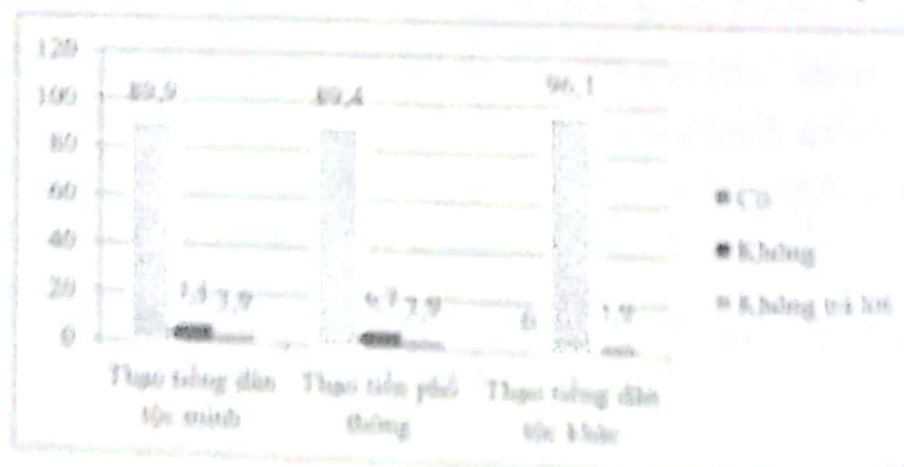
### 2.2.1. Ngôn ngữ

Người Khơ-me là một trong các số ít các dân tộc có tiếng nói và chữ viết riêng trong cộng đồng 54 dân tộc. Trong truyền thống, tính

trước những năm 1990 phần lớn người Khơ-me sử dụng tiếng mẹ đẻ là ngôn ngữ giao tiếp chủ yếu. Song những năm gần đây, mức độ sử dụng tiếng phổ thông ngày càng rõ hơn. Ngoài ra, do quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng đã có những nam nữ, thanh niên người Khơ-me sử dụng ngoại ngữ là tiếng Anh để phục vụ cho công việc của mình, tuy nhiên tỷ lệ này còn khá ít.

Nhiều năm trước đây, trẻ em Khơ-me khi bắt đầu đến tuổi đi học được thầy cô ở trường dạy chữ Quốc ngữ và nói tiếng Việt. Đa phần các em không biết viết chữ Khơ-me, có chăng chỉ là những trẻ em trai khi tu học trong chùa mới mới có cơ hội biết chữ Khơ-me. Hiện nay, với sự phát triển của xã hội, nhiều trường ở Nam Bộ đã dạy song ngữ cho học sinh, bên cạnh đó theo chương trình học của Bộ Giáo dục Đào tạo, học sinh còn được học thêm tiếng Anh tại trường. Vì thế, tất cả trẻ em người Khơ-me đều được học ngôn ngữ và chữ viết của dân tộc mình. Kết quả khảo sát ở một số địa bàn thuộc Nam Bộ (xã Phú Tân, Phú Tâm huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng và thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, nơi có người Khơ-me sinh sống cho thấy: 89,9% người dân thành thạo tiếng dân tộc mình; 89,4% người dân thạo tiếng phổ thông. Như vậy, số người Khơ-me có thể sử dụng song ngữ cả tiếng Khơ-me và tiếng phổ thông là khá cao.

**Biểu 1. Tỷ lệ biết tiếng dân tộc Khơ-me và tiếng dân tộc khác**



Nguồn: Kết quả khảo sát năm 2019 của đề tài cấp Nhà nước, mã số CT07 11-17/16-20



Khi khảo sát tại địa phương, chúng tôi nhận thấy ở người Khơ-me ở Nam Bộ biết và sử dụng được tiếng các dân tộc khác, tiếng nước ngoài không cao. Do cư trú cộng cư với người Kinh, người Hoa từ lâu đời nên ở một số địa bàn như thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, người dân sử dụng được 3 thứ tiếng là tiếng Khơ-me, tiếng Hoa và tiếng Kinh. Ở một số nơi như tỉnh An Giang, người Khơ-me còn có khả năng nói được tiếng Chăm. Hiện nay, có nhiều người Khơ-me đi làm ăn xa tại các tỉnh thành trong cả nước, nhất là tại các khu công nghiệp ở thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Vĩnh Long... nên mức độ sử dụng tiếng phổ thông nhiều hơn. Cũng đã có những người có khả năng sử dụng tiếng Campuchia, tiếng Malaysia, do lấy vợ, lấy chồng, đi học hoặc sang bên kia biên giới buôn bán, làm ăn. Ông T.G. người Khơ-me, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng cho biết: Hiện nay, ở Sóc Trăng, các trường học thường học song ngữ, có dạy tiếng và chữ Khơ-me cho học sinh nên thế hệ trẻ có thể nói và hiểu tiếng dân tộc. Trong gia đình chủ yếu giao tiếp bằng tiếng Khơ-me, nhưng khi giao tiếp xã hội thì dùng tiếng phổ thông. Văn hóa Kinh, Hoa và Khơ-me từ lâu đã có sự giao thoa mạnh mẽ nên nhiều người, nhất là trong các gia đình kết hôn với người Kinh, người Hoa họ có thể nói được cả 3 thứ tiếng. Cũng có một số người Khơ-me đã nói được tiếng Malaysia, tiếng Campuchia vì lấy vợ, lấy chồng. Ở xã An Hiệp, xã Phú Tâm có khoảng 8 trường hợp lấy người Khơ-me định cư tại Malaysia và Campuchia. Ngoài ra cũng có một số người có sang Campuchia để buôn bán nên họ phải nói được tiếng Campuchia, nhưng chủ yếu chỉ sử dụng khi đi làm. Bên cạnh đó, để hòa hợp trong giao tiếp và hoạt động sinh kế các tộc người khác như Kinh, Hoa, Chăm, Khơ-me... đã chủ động cho và nhận ngôn ngữ của nhau. Đặc biệt, với vị trí địa lý tiếp giáp với Vương quốc Campuchia - đất nước có hơn 90% dân số là người Khơ-me, dùng tiếng Khơ-me làm ngôn ngữ chính thức nên các tộc người ở vùng Nam Bộ, nhất là các tộc người khác sinh sống ở các tỉnh biên giới Tây Nam Bộ đã tiếp nhận

ngôn ngữ Khơ-me như là một xu thế tất yếu (Nguyễn Thuận Quý, 2015). Điều đó cho thấy, khả năng sử dụng ngôn ngữ được bộc lộ và thể hiện rõ ở trong môi trường gia đình và cộng đồng, sự biến đổi và giao thoa văn hóa thông qua ngôn ngữ bắt đầu từ mỗi gia đình, cộng đồng tộc người, vì vậy muốn bảo tồn các giá trị văn hóa tộc người đặc biệt phải quan tâm đến giáo dục trong môi trường gia đình.

### 2.2.2. Hôn nhân

Đám cưới truyền thống của người Khơ-me có nhiều nghi thức quan trọng diễn ra trong nhiều ngày với nhiều lễ vật, quy định khác nhau, bao gồm: lễ hỏi; cúng Neak tã; quét chiếu; thỉnh sư tụng kinh chúc phúc; lễ buộc chi cổ tay; lễ cắt tóc; làm răng; lễ mở cửa rạp; lễ làm ba bó hoa cau; lạy mặt trời lúc hừng đông; lễ lạy mặt; lễ động phòng; lễ rửa chân cho cô dâu chú rể; mang mâm cơm vào chùa sau lễ cưới. Ngày nay, cùng với quá trình hội nhập giao lưu, tiếp biến văn hóa, lễ cưới của người Khơ-me đã thay đổi nhiều phần lớn sự thay đổi ấy được tiếp nhận từ người Kinh, người Hoa, được thể hiện ở lễ vật trong đám cưới, các nghi thức trong đám cưới, và thành phần tham gia đám cưới. Theo như phong tục, tập quán xưa, đám cưới của người Khơ-me không có đưa dâu, rước dâu như hiện nay, người Khơ-me chỉ đãi tiệc ở nhà gái, hiện nay hầu hết đãi ở cả nhà trai và nhà gái, nhiều phong tục học hỏi từ người Kinh và người Hoa (PV sâu, nữ, 52 tuổi, ấp Thọ Hòa Đông B, xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng). Khi so sánh lễ cưới của người Khơ-me và lễ cưới của người Kinh, người dân cho rằng, nghi lễ của người Khơ-me hiện nay đã có nhiều tiếp biến văn hóa với người Kinh, người Hoa, tuy nhiên so với người Kinh sống trong vùng thì nghi lễ nhiều hơn, chẳng hạn như: người Kinh chỉ lạy tại bàn thờ gia tiên 1 lần để báo cáo khi con dâu, con rể về nhà, nhưng người Khơ-me phải lạy rất nhiều lần, phải nhờ sư thầy đến tụng kinh nhằm cầu mong cho đôi vợ chồng hạnh phúc, sống lâu trăm tuổi (PVS, nam, 65 tuổi, ấp



Phước Quới, xã Phú Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng). Việc tiếp nhận một số yếu tố văn hóa phản ánh mối quan hệ tộc người của người Khơ-me với các dân tộc khác thể hiện ở chỗ, hiện nay trong đám cưới cũng tổ chức dựng rạp mở tiệc ăn mặn ở hai bên gia đình cô dâu, chú rể với các món ăn, có người dẫn chương trình, có nhạc hiện đại, cắt bánh ga tô, rót rượu chúc mừng, cách trang trí phòng cưới... giống như cách thức người Kinh. Hay như trong phần nghi lễ cúng gia tiên, hiện nay có tiếp thu văn hóa người Hoa đó là, trong nghi lễ đón dâu, đưa dâu về nhà chồng chú rể phải cắm hộp đèn cây trong đó dựng hai cây nến màu đỏ, hai cây nến này sẽ được thắp lên trong nghi lễ cúng tổ tiên, cúng phật vừa để thể hiện sự tôn trọng, biết ơn tổ tiên, vừa để chứng minh sự yêu thương, trách nhiệm đôi vợ chồng trẻ dành cho nhau (PVS, nữ, 21 tuổi, xã Phú Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng).

Tham dự đám cưới của cô dâu Trần Huỳnh Nga (21 tuổi) với chú rể Sơn Hoàng Vĩnh (28 tuổi) ở ấp Thọ Hòa Đông B, xã Phú Tân và đám cưới cô dâu Thùy Dung (24 tuổi) với chú rể Hoàng Điện (28 tuổi) ở ấp Phước Thịnh, xã Phú Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, chúng tôi thấy rõ sự giao thoa văn hóa giữa 3 dân tộc Kinh, Hoa, Khơ-me. Trong đám cưới, thực hiện nghi lễ mời rượu, khi cô dâu vào nhà, lễ phật, tổ tiên và lễ cảm ơn bố mẹ, gia đình hai bên, được buộc chỉ cổ tay và nhận lời chúc phúc của ông bà, bố mẹ, anh chị em hai bên gia đình. Trang phục cơ bản là âu phục, áo dài... nhưng cô dâu, chú rể và hai bên họ hàng tham gia đón dâu đều đeo phù hiệu bằng vải có hoa, in chữ trên ngực áo (giống như đi dự các hội nghị). Đây cũng là điểm khác biệt đối với các dân tộc khác. Trong quá trình sinh sống cộng cư với các dân tộc khác, đến nay, người Khơ-me đã tiếp nhận một số giá trị văn hóa của người Kinh, người Hoa, chẳng hạn như: trong truyền thống, người Khơ-me không có phong tục dán chữ hỷ màu đỏ trước cửa nhà khi có đám cưới, không có dán chữ đỏ



ở hai bên cửa ra vào khi Tết đến với mong muốn cầu chúc một năm may mắn, hạnh phúc, bình an..., thì hiện nay hiện tượng văn hóa này của người Hoa đã được người Khơ-me tiếp nhận để làm phong phú thêm đời sống văn hóa của mình.

Theo phỏng vấn sâu và báo cáo của chính quyền địa phương, kết hôn cùng dân tộc Khơ-me chiếm tỷ lệ cao, tuy nhiên trong nhiều năm trở lại đây, tỷ lệ kết hôn khác dân tộc ngày càng nhiều, phần lớn người Khơ-me kết hôn với người Hoa và người Kinh, một số ít kết hôn với người đồng tộc nhưng ở quốc gia khác (Campuchia, Malaysia),... Hôn nhân của người Khơ-me với đồng tộc và khác tộc bên kia biên giới, đặc biệt là ở vùng biên giới với Campuchia xuất hiện ngày càng nhiều. Những cuộc hôn nhân có chủ rể hoặc cô dâu là người Khơ-me bên kia biên giới khá phổ biến, với thủ tục hành chính đơn giản. Các cuộc hôn nhân này đã làm cho mối quan hệ tộc người của người Khơ-me hai bên biên giới vốn có trước đây trở nên gần gũi hơn, được củng cố vững chắc hơn. Các giá trị văn hóa trong các gia đình có hôn nhân đồng tộc xuyên biên giới càng được duy trì; hoạt động kinh tế, văn hóa của gia đình được mở rộng không chỉ trong phạm vi một quốc gia mà ở cả hai quốc gia (Nguyễn Thuận Quý, 2015). Bên cạnh đó, trong mối quan hệ hôn nhân, từ những năm 1997 đến nay tình trạng phụ nữ người dân tộc thiểu số vùng Nam Bộ kết hôn có yếu tố nước ngoài chủ yếu là Đài Loan, Trung Quốc, Hàn Quốc, Malaysia... không ngừng tăng lên. Theo số liệu thống kê về phụ nữ Khơ-me kết hôn với yếu tố nước ngoài từ năm 1991 đến nay là: Bạc Liêu 156 người, Cà Mau 198 người, Vĩnh Long 50 người, Cần Thơ 27 người (Trương Minh Dục, 2019). Điều đó cho thấy biến đổi trong hôn nhân, nhất là hôn nhân khác tộc ngày càng có xu hướng nhiều hơn trong thời gian tới, và loại hình hôn nhân này là một trong những yếu tố tác động đến sự thay đổi các giá trị văn hóa trong gia đình của người Khơ-me và cũng biểu hiện rõ nét nhất

mối quan hệ tộc người của người Khor-me trong môi trường gia đình, cộng họ. Tuy nhiên, liên quan đến vấn đề này, hiện nay do nhiều yếu tố tác động, có một số lượng khá lớn con lai trở về quê hương của mẹ để sinh sống và học tập, trong đó có người Khor-me, đây là vấn đề quan hệ tộc người có yếu tố nước ngoài cần được quan tâm.

### 2.2.3. Tang ma

Đám tang truyền thống của người Khor-me, nghi thức an táng chủ yếu do một vị *ac-thar* thông thạo phong tục truyền thống thực hiện. Trong đám tang, có các lễ như: lễ vẩy nước cầu siêu các vị sư đến đọc kinh và làm nghi thức vẩy nước thơm cầu phúc để cầu siêu cho linh hồn người chết trước khi đặt thi hài trong quan tài, nếu không có nghi thức này, người chết không siêu thoát; lễ tiễn đưa linh cữu đến ngày giờ tốt mới sắp xếp đưa quan tài đi thiêu. Theo phong tục, nếu con trai người chết chưa từng đi tu ở chùa thì người con trai đó phải làm nghi thức cạo đầu để "tu trước lửa", trả hiếu cho cha mẹ. Hỏa táng là hình thức an táng truyền thống của người Khor-me. Tuy nhiên, bên cạnh đó nhiều đặc trưng văn hóa của người Khor-me đã lan tỏa và được người Hoa, người Kinh tiếp nhận, đó là hiện nay rất nhiều gia đình người Hoa, người Kinh ở Nam Bộ đã lựa chọn hình thức hỏa táng tại chùa và gửi di cốt của người thân đã mất tại các ngôi chùa của người Khor-me. Các lò hỏa táng ở các chùa của người Khor-me không chỉ phục vụ nhu cầu người Khor-me mà còn phục vụ theo nguyện vọng của người Kinh, người Hoa tại địa phương. Hoặc như trong đám ma của người Kinh hiện nay đã có nhiều mời các thầy sư ở các chùa của người Khor-me đến đọc kinh, niệm Phật.

### 2.2.4. Tín ngưỡng, tôn giáo

Cũng như các tộc người khác, đối với người Khor-me, tín ngưỡng, tôn giáo là cách để họ thể hiện niềm tin vào yếu tố thiêng liêng dưới dạng tinh thần để hỗ trợ cho đời sống thực tại và tương lai khi không



còn tồn tại. Sự giao lưu, tiếp biến trong tín ngưỡng, tôn giáo giữa các tộc người ở vùng Nam Bộ khá rõ nét.

Trước đây, người Khơ-me chỉ đến chùa để thực hiện các nghi thức thờ cúng ông bà, cha mẹ đã mất, nhưng ngày nay do ảnh hưởng bởi tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Kinh và người Hoa, nên người Khơ-me cũng lập bàn thờ ông bà, cha mẹ đã mất ở trên một góc nhà. Bàn thờ ông bà, cha mẹ của người Khơ-me nhỏ gọn, trên bàn thờ họ thường đặt di ảnh của người đã mất và lư hương để thắp nhang hằng ngày. Tiếp nhận văn hóa của người Kinh, người Hoa nhưng người Khơ-me đã có sự thay đổi để tạo ra nét riêng mà không hoàn toàn giống với tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên người Hoa, người Kinh, đó là bàn thờ tổ tiên, ông bà, cha mẹ bao giờ cũng đặt ở nơi trang trọng nhất, thường là giữa ngôi nhà. Ngoài ra, một trong những biến đổi rõ nét trong văn hóa, tín ngưỡng của người Khơ-me đó chính là trước đây nhà của người Khơ-me chỉ có bàn thờ Phật, nhưng ngày nay đến những vùng người Khơ-me sinh sống, nhiều gia đình người Khơ-me có bàn thờ ông Thiên, bàn thờ ông Địa, thậm chí có gia đình còn thờ cả Quan Công,... Trong quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa, người Khơ-me đã tiếp thu tín ngưỡng Ông Địa, Thần Tài của các tộc người cận cư với ước nguyện hai vị thần này mang tài lộc đến cho gia chủ. Ngoài ra, nhiều hộ gia đình Khơ-me vùng Nam Bộ, nhất là vùng biên giới Tây Nam Bộ đã lập bàn thờ ông Thiên trước cửa nhà. Đây là một loại hình tín ngưỡng dân gian phổ biến của người Kinh được người Khơ-me tiếp thu.

Không chỉ tiếp nhận yếu tố văn hóa của các dân tộc khác, trong tín ngưỡng, tôn giáo của người Khơ-me cũng có ảnh hưởng đến các tộc người cận cư. Điều đó được thể hiện rõ là khi người Kinh đến khai khẩn vùng đất Nam Bộ đã tiếp nhận tín ngưỡng *Neak ta* của người Khơ-me. Trong đình làng của người Kinh, ngoài thờ Thần



Thành Hoàng, Tả Ban, Hữu Ban, Tiền hiền, Hậu hiền, Tiên sư, miếu thờ Ngũ hành, Bạch Hổ, Thần Nông... còn có miếu thờ *Neak ta* (Nguyễn Thuận Quý, 2015).

Mối quan hệ tộc người của người Khơ-me ở lĩnh vực tôn giáo, tín ngưỡng còn được biểu hiện qua mối quan hệ tôn giáo xuyên biên giới nổi bật là yếu tố đồng tôn giáo kết hợp với các yếu tố đồng tộc xuyên biên giới. Phần lớn người Khơ-me ở khu vực biên giới phía Campuchia cũng là tín đồ của Phật giáo Nam tông nên sự cổ kết, giao lưu văn hóa của người dân Khơ-me ở hai bên biên giới khá sâu sắc (Nguyễn Thuận Quý, 2015). Thậm chí, hằng năm đều có một bộ phận chư tăng Khơ-me Nam Bộ sang Campuchia, Thái Lan, Myanmar... để du học cao học do ở trong nước chưa đáp ứng nhu cầu học tập. Theo số liệu của Ban Chi đạo Tây Nam Bộ, đến tháng 7 năm 2017, ở các địa phương trong vùng đã có trên 1.000 sư sãi Khơ-me đi tu học nước ngoài, chủ yếu là Campuchia, Thái Lan, Myanmar, Srilanka, Ấn Độ..., trong số đó nhiều người đã trở về phục vụ trong các chùa, phum, sóc (Trương Minh Đức, 2019). Điều đó cho thấy, quan hệ tộc người xuyên biên giới của người Khơ-me thông qua hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng của các cá nhân, tổ chức đồng tộc và tôn giáo không chỉ trong phạm vi lãnh thổ tộc người mà còn không bị giới hạn bởi lãnh thổ quốc gia vẫn luôn được duy trì. Tuy nhiên, đây cũng là một vấn đề nhạy cảm, cần có sự lưu tâm, đề phòng các thế lực thù địch lợi dụng mối quan hệ tộc người này để gây mất đoàn kết dân tộc, chống phá công cuộc đổi mới và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay.

### 2.2.5. Lễ hội

Hệ thống lễ hội của người Khơ-me ở vùng đất Nam Bộ rất đa dạng thường bắt nguồn từ tín ngưỡng dân gian và Phật giáo, không chỉ đơn thuần là dịp vui chơi, mà còn mang ý nghĩa làm phước, là

địp đề các thành viên trong phum sóc quay quần, gần gũi và hiểu nhau hơn. Do đó, lễ hội của người Khor-me có tính cố kết cộng đồng và đoàn kết cao.

Các lễ hội truyền thống của dân tộc Khor-me như: lễ mừng năm mới - lễ chịu tuổi (giữa tháng 4 âm lịch), lễ cúng ông bà (chấn ra vào ngày 29/8 đến 1/9 âm lịch), lễ cúng trăng (ngày 15/10 âm lịch), hội đua bò (khoảng 29/8 đến 1/9 âm lịch). Gần liền với lễ cúng trăng, người Khor-me ở Nam Bộ còn tổ chức Đua ghe gor. Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, lễ hội Cúng trăng cùng với Đua ghe gor đã có nhiều biến đổi, đặc biệt là ở quy mô tổ chức lễ hội. Mỗi đợt đua ghe là đại diện cho một chùa. Các chương trình văn nghệ chủ yếu là đoàn nghệ thuật các tỉnh biểu diễn. Trước đây, lễ hội diễn ra chủ yếu phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng của người Khor-me tại các phum, sóc thì hiện nay có cả người Kinh, Hoa, Chăm trong vùng và cùng tham dự lễ hội. Đồng thời, lễ hội ngày nay diễn ra không chỉ mang ý nghĩa cúng thần phật mà còn nhằm để quảng bá du lịch của địa phương. Đua ghe gor đã trở thành Festival Đua ghe gor của một số tỉnh Nam Bộ với sự tham gia của nhiều khách du lịch trong và ngoài nước. Với số lượng người tham gia lên đến ba bốn trăm nghìn người, lễ hội Đua ghe ngo vùng Nam Bộ là một sản phẩm văn hóa truyền thống có sức lan tỏa trong cộng đồng.

#### 4. Kết luận

Người Khor-me ở Nam Bộ có bề dày lịch sử cư trú lâu đời đã tạo nên một nền văn hóa độc đáo và đa dạng với Phật giáo Nam tông chi phối mạnh mẽ đến các hoạt động của đời sống xã hội, nhất là trong thiết chế tự quản phum sóc, nhà chùa. Cùng với sự phát triển chung của đất nước, sự tác động của các yếu tố kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, sự hội nhập và toàn cầu hóa đang diễn ra trên quy mô





toàn cầu, đặc biệt do đặc điểm tự nhiên, lịch sử hình thành vùng đất Nam Bộ, mối quan hệ tộc người của người Khơ-me và các dân tộc ở vùng đất Nam Bộ nói chung đã và sẽ tạo nên những nét riêng trong văn hóa, trong các mối quan hệ dân tộc, trong đó được thể hiện qua lĩnh vực văn hóa. Mối quan hệ tộc người của người Khơ-me đối với các tộc người khác trên lĩnh vực văn hóa được thể hiện trên nhiều phương diện và ảnh hưởng của nhiều yếu tố lịch sử của vùng đất, của tộc người. Tùy vào thời gian khác nhau mà mối quan hệ đó được biểu hiện ở mức độ khác nhau, đó chính là mối quan hệ giao thoa, qua lại giữa người Khơ-me với người Kinh, người Khơ-me với người Hoa, người Khơ-me với người Chăm mà còn cả mối quan hệ giữa người Khơ-me với đồng tộc bên kia biên giới Campuchia.

Trong bối cảnh tình hình thế giới, những năm gần đây cho thấy, vấn đề dân tộc và quan hệ dân tộc có nhiều diễn biến phức tạp, trở thành một trong những nhân tố gây mất ổn định ở nhiều khu vực và quốc gia. Cuộc cách mạng CN 4.0 và quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế đang có những tác động đến mọi lĩnh vực của đời sống các dân tộc thiểu số ở Việt Nam nói chung và người Khơ-me nói riêng. Trong bối cảnh ấy, Đảng và Nhà nước ta cần tiếp tục có những chính sách phù hợp, kịp thời đổi mới, đáp ứng và nắm bắt các yêu cầu của thực tiễn, củng cố và phát triển cộng đồng dân tộc Khơ-me trong mối quan hệ không chỉ với các tộc người mà trong mối quan hệ cộng đồng quốc gia dân tộc, đồng thời cảnh giác với các âm mưu của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề văn hóa, lịch sử tộc người của người Khơ-me, vùng đất Nam Bộ và mối quan hệ cộng đồng tộc người xuyên biên giới với Campuchia... để tuyên truyền, kích động chống phá khối đại đoàn kết dân tộc và sự nghiệp xây dựng và đổi mới đất nước mà Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đang xây dựng và bảo vệ.



## Tài liệu tham khảo

1. Phan An (2005), "Một số vấn đề của Phật giáo Khơ-me ở Nam Bộ hiện nay", *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 2, tr. 36-38.
2. Phan An, Nguyễn Xuân Nghĩa (2014), "Dân tộc Khơ-me", trong: *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Nam (tái bản lần 1)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Trần Văn Bính (2004), *Văn hóa các dân tộc Tây Nam Bộ thực trạng và những vấn đề đặt ra*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Trương Minh Dục (2019), *Xu hướng biến đổi quan hệ dân tộc: Những vấn đề đặt ra và định hướng chính sách*, Báo cáo Tổng hợp đề tài cấp Nhà nước thuộc Chương trình Khoa học xã hội trọng điểm cấp Quốc gia giai đoạn 2016 - 2020; Mã số KX.04/16-20.
5. Nguyễn Thị Song Hà, Phạm Thị Cẩm Vân (2019), "Changes in the Culture of Ethnic Khmer people in Southern Vietnam in the Context of renovation and Integraton", *Journal of Mekong Societies*. Vol 15.No.3.
6. Phạm Thị Phương Hạnh (2011), *Văn hóa Khmer Nam Bộ - Nét đẹp trong bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
7. Ngô Văn Lệ (2013), "Đặc điểm xã hội và đói nghèo ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của các dân tộc thiểu số. Trường hợp người Khơ-me Nam bộ", Báo cáo trong: *Kỳ yếu Hội nghị thông báo Dân tộc học*, Viện Dân tộc học.
8. Nguyễn Thuận Quý (2015), *Quan hệ tộc người của người Khơ-me ở hai bên biên giới Việt Nam - Campuchia (khu vực Tây Nam Bộ)*, Luận án Tiến sĩ Nhân học, Học viện Khoa học xã hội, Lưu tại Thư viện Quốc gia Việt Nam.